

# THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /6/2022 của UBND tỉnh)

## I. THUYẾT MINH CƠ SỞ TRÌNH PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN.

Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND; căn cứ số liệu thống kê; quy mô dân số (số hộ dân); số hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, số đơn vị hành chính cấp xã, số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, lực lượng lao động đủ 15 tuổi trở lên; tiêu chí xác định huyện nghèo; huyện miền núi, vùng cao do Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp và đối chiếu với số liệu của UBND các huyện, thành phố báo cáo, dự toán chi của các đơn vị cấp tỉnh để làm cơ sở phân bổ kinh phí cho các dự án, tiểu dự án, cụ thể:

Tổng kinh phí phân bổ và giao dự toán năm 2022 cho các đơn vị, địa phương 43.883 triệu đồng, trong đó:

1. Phân bổ kinh phí cho các đơn vị cấp tỉnh: 14.096 triệu đồng.

Căn cứ tỷ lệ phân bổ tối đa quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND; căn cứ dự toán kinh phí thực hiện dự án, tiểu dự án do các đơn vị cấp tỉnh xây dựng, UBND tỉnh xác định phương án phân bổ bằng tỷ lệ tối đa quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND.

Chi tiết phương pháp tính toán tại mục III bản thuyết minh này.

2. Giao dự toán cho UBND các huyện, thành phố: 29.787 triệu đồng.

Cơ sở phân bổ kinh phí cho UBND các huyện, thành phố: Việc phân bổ kinh phí cho dự án, tiểu dự án căn cứ theo tiêu chí chấm điểm và phương pháp tính toán theo quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, cụ thể trên cơ sở số lượng, tỷ lệ, hệ số với từng tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án, UBND tỉnh xác định tổng điểm của từng dự án, tiểu dự án; số điểm của mỗi địa phương và số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ, theo đó làm căn cứ phân bổ nguồn kinh phí bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi địa phương.

(Chi tiết phương pháp tính toán tại mục III bản thuyết minh này).

## II. THUYẾT MINH KINH PHÍ ĐỐI ỨNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH.

- Nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu: 48.766 triệu đồng (tại Quyết định số 1019/QĐ-BTC).

- Nguồn kinh phí đối ứng từ ngân sách tỉnh: 1.470 triệu đồng, cụ thể:

Tại điểm b, khoản 2, Điều 13 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

“Các địa phương nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 70% trở lên:

*Hàng năm, ngân sách địa phương bố trí đối ứng tối thiểu bằng 03% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho địa phương”.*

Tỉnh Bắc Kạn nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương gần 90%. Theo đó, tổng số kinh phí đối ứng của tỉnh là 1.470 triệu đồng. UBND tỉnh dự kiến phân bổ từ các nguồn tỉnh điều hành chưa phân bổ năm 2022, cụ thể:

- + Nguồn sự nghiệp kinh tế: 809 triệu đồng.
- + Nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 634 triệu đồng.
- + Nguồn quản lý hành chính: 27 triệu đồng để phân bổ cho lĩnh vực văn hóa thông tin.

Theo quy định tại Quyết định số 90/QĐ-TTg, cơ cấu nguồn vốn thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình đều bao gồm có nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương. Hiện tại, dự thảo Thông tư quy định nguồn vốn sự nghiệp quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các văn bản khác không có hướng dẫn mức đối ứng cụ thể của từng dự án, tiểu dự án. Vì vậy, UBND tỉnh đề xuất phân bổ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương cho từng dự án, tiểu dự án theo tỷ lệ nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện dự án, tiểu dự án đó/tổng nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ để thực hiện chương trình.

*(Chi tiết nguồn kinh phí phân bổ và giao dự toán theo Biểu số 01, 02 kèm theo)*

### **III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ XÁC ĐỊNH VỐN PHÂN BỐ.**

#### **1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.**

Tại Quyết định số 1019/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (*sau đây viết tắt là Quyết định số 1019/QĐ-BTC*), tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 3.904 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế để thực hiện Dự án 1. Nguồn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định là 118 triệu đồng.

Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương UBND tỉnh xác định được tổng số các hệ số tiêu chí (Xi) gồm: hệ số của các tiêu chí quy mô dân số, tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, đặc điểm địa lý của huyện nghèo và số đơn vị hành chính cấp xã và số điểm của mỗi địa phương, cụ thể:

- Tổng số các hệ số tiêu chí (Xi) làm căn cứ tính vốn bình quân là 1,74 điểm.
- Theo công thức quy định tại khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, số vốn NSTW bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là 3.904 triệu đồng/1,74 điểm = 2233,7 triệu đồng/điểm, vốn NSDP bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là 118/1,74 điểm = 67,8 triệu đồng/điểm.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

*(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 1 theo Biểu số 2.1 kèm theo)*

## **2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

Tại Quyết định số 1019/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 14.255 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế để thực hiện dự án 2 Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo. Nguồn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định là 430 triệu đồng. Tổng nguồn vốn để thực hiện dự án 2 là 14.685 triệu đồng.

Theo khoản 1, Điều 7, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án như sau:

- Phân bổ tối đa 15% là 2.202 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 2.138 triệu đồng, vốn NSDP: 64 triệu đồng) cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phân bổ tối thiểu 85% là 12.483 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 12.117 triệu đồng, vốn NSDP: 366 triệu đồng) cho các địa phương. Việc phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện như sau:

Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 2, Điều 7 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương UBND tỉnh xác định được: tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo (Xi); tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã (Yi) và số điểm của mỗi địa phương, cụ thể:

+ Tổng số các hệ số tiêu chí (Xi), (Yi) làm căn cứ tính vốn bình quân là 12,71 điểm.

+ Theo công thức quy định tại khoản 3, Điều 7, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, số vốn NSTW bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là 12.117 triệu đồng/12,71 điểm = 953,3 triệu đồng/điểm, vốn NSDP bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là: 366/12,71 điểm = 28,8 triệu đồng/điểm.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

*(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 2 theo Biểu số 2.2 kèm theo)*

## **3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

### **3.1. Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn**

Tại Quyết định số 1019/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 16.294 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo để thực hiện tiểu dự án. Nguồn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định là: 490 triệu đồng. Tổng nguồn vốn để thực hiện dự án 4 là 16.784 triệu đồng.

Theo khoản 1, điều 9, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh,

nguồn vốn sự nghiệp thực hiện tiêu dự án 1, dự án 4 phân bổ để thực hiện các nội dung sau:

- Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp của tiêu dự án là: 3.356 triệu đồng (trong đó NSTW: 3.258 triệu đồng, NSDP: 98 triệu đồng) cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

- Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp của tiêu dự án là 6.714 triệu đồng (trong đó NSTW: 6.518 triệu đồng, NSDP: 196 triệu đồng) để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Công văn số 2006/LĐT BXH-VPQGGN ngày 15/6/2022 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội có nêu “Năm 2022, kinh phí vốn sự nghiệp từ NSTW bố trí 15% của Tiêu dự án. Do vậy, sẽ tập trung thực hiện nâng cao năng lực cho các trường cao đẳng, trung cấp chuyên biệt trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm”. Do đó nguồn vốn thực hiện nội dung này phân bổ cho Trường Cao đẳng Bắc Kạn.

- Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp của tiêu dự án là 6.714 triệu đồng (trong đó NSTW: 6.518 triệu đồng, NSDP: 196 triệu đồng) cho các địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo. Việc phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện như sau:

Căn cứ tiêu chí quy định tại tiết 3, điểm b, Khoản 1, Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương UBND tỉnh xác định được tổng số các hệ số tiêu chí (Xi), bao gồm các hệ số: hệ số tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo (TLi); hệ số tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo (QMi); hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo HNi); hệ số đơn vị hành chính cấp xã (Đvi); tiêu chí số lượng tuyển sinh (Tsi) và số điểm của mỗi địa phương, cụ thể:

+ Tổng số các hệ số tiêu chí (Xi) làm căn cứ tính vốn bình quân là 23,99 điểm.

+ Theo công thức quy định tại gạch đầu dòng thứ 3, mục b, khoản 1, Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, số vốn NSTW bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là  $6.518 \text{ triệu đồng} / 23,99 \text{ điểm} = 271,7 \text{ triệu đồng/điểm}$ , vốn NSDP bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là  $196 / 23,99 \text{ điểm} = 8,2 \text{ triệu đồng/điểm}$ .

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

*(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Nội dung: hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, Tiêu dự án 1, Dự án 4 theo Biểu số 2.3 đính kèm).*

### **3.2. Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

Tại Quyết định số 1019/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 515 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế để thực hiện tiêu dự án. Nguồn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định là 16 triệu đồng. Tổng nguồn vốn để thực hiện

tiểu dự án 2, dự án 4 là 551 triệu đồng.

Theo mục a, khoản 2, Điều 9, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 18% là 95 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 92 triệu đồng, vốn NSDP: 3 triệu đồng) cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Phân bổ tối thiểu 82% là 436 triệu đồng (trong đó: Vốn NSTW: 423 triệu đồng, vốn NSDP: 13 triệu đồng) cho các địa phương. Việc phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện như sau:

Căn cứ tiêu chí quy định tại mục b, Khoản 2, Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương UBND tỉnh xác định được tổng số các hệ số tiêu chí, bao gồm: tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo và tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo (Xi); là hệ số của địa bàn khó khăn (Yi) và số điểm của mỗi địa phương, cụ thể:

+ Tổng số các hệ số tiêu chí (Xi) và (Yi) làm căn cứ tính vốn bình quân là 0,4 điểm.

+ Theo công thức quy định tại mục c, Khoản 2, Điều 9, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, số vốn NSTW bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là 423 triệu đồng/0,4 điểm = 1.068 triệu đồng/điểm, vốn NSDP bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là 13/0,4 điểm = 33 triệu đồng/điểm.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

*(Chi tiết phân bổ kinh phí cho, Tiểu dự án 2, Dự án 4 theo Biểu số 2.4 kèm theo)*

### **3.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**

Tại Quyết định số 1019/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 1.965 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế để thực hiện tiểu dự án. Nguồn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định là 60 triệu đồng. Tổng nguồn vốn để thực hiện tiểu dự án 2, dự án 4 là 2.025 triệu đồng.

Theo mục a, khoản 3, Điều 9, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 10% là 202 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 196 triệu đồng, vốn NSDP: 6 triệu đồng) cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Phân bổ tối thiểu 90% là 1.823 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 1.769 triệu đồng, vốn NSDP: 54 triệu đồng) cho các địa phương. Việc phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện như sau:

Căn cứ tiêu chí quy định tại mục b, Khoản 3, Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương UBND tỉnh xác định được tổng số các hệ số tiêu chí, bao gồm:

tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo và tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo (Xi); hệ số lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của địa phương (Yi) và số điểm của mỗi địa phương, cụ thể:

+ Tổng số các hệ số tiêu chí (Xi) và (Yi) làm căn cứ tính vốn bình quân là 14,54 điểm.

+ Theo công thức quy định tại mục c, khoản 3, Điều 9 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, số vốn NSTW bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là: 1.769 triệu đồng/14,54 điểm = 121,7 triệu đồng/điểm, vốn NSDP bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là: 54/14,54 điểm = 3,7 triệu đồng/điểm.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

*(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Tiểu dự án 2, Dự án 4 theo Biểu số 2.5 kèm theo)*

#### **4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

##### **4.1. Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin**

Tại Quyết định số 1019/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 388 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp văn hóa thông tin để thực hiện tiểu dự án. Nguồn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định là 12 triệu đồng. Tổng nguồn vốn để thực hiện tiểu dự án 1, dự án 6 là 400 triệu đồng.

Theo mục a, khoản 1, Điều 11, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 30% là 121 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 117 triệu đồng, vốn NSDP: 4 triệu đồng) cho Sở Thông tin và truyền thông; nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án (gọi là D) là 0 đồng.

- Phân bổ tối thiểu 70% là 279 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 271 triệu đồng, vốn NSDP: 8 triệu đồng) cho các địa phương. Việc phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện như sau:

Căn cứ tiêu chí quy định tại mục b, khoản 1, Điều 11, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương, UBND tỉnh xác định được: tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo (Xi); tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã (Yi) và số điểm của mỗi địa phương, cụ thể:

+ Tổng số các hệ số tiêu chí (Xi) và (Yi) làm căn cứ tính vốn bình quân là 12,12 điểm.

+ Theo công thức quy định tại mục c, khoản 1, Điều 11 Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, số vốn NSTW bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là 271 triệu đồng/12,12 điểm = 22,4 triệu đồng/điểm, vốn NSDP bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là 08/12,12 điểm = 0,7 triệu đồng/điểm.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

*(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Tiểu dự án 1, Dự án 6 theo Biểu số 2.6 kèm theo)*

#### **4.2. Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều**

Tại Quyết định số 1019/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 484 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp văn hóa thông tin để thực hiện tiểu dự án. Nguồn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định là 15 triệu đồng. Tổng nguồn vốn để thực hiện tiểu dự án 2, dự án 6 là 499 triệu đồng.

Theo mục a, khoản 2, Điều 11, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 35% là 174 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 169 triệu đồng, vốn NSĐP: 5 triệu đồng) cho Sở Lao động - Thương binh và xã hội;

- Phân bổ tối thiểu 65% là 325 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 315 triệu đồng, vốn NSĐP: 10 triệu đồng) cho các địa phương. Việc phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện như sau:

Căn cứ tiêu chí quy định tại mục b, khoản 2, Điều 11, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương UBND tỉnh xác định được: tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo (Xi); tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã (Yi) và số điểm của mỗi địa phương, cụ thể:

+ Tổng số các hệ số tiêu chí (Xi) và (Yi) làm căn cứ tính vốn bình quân là 12,12 điểm.

+ Theo công thức quy định tại mục c, khoản 2, Điều 11, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, số vốn NSTW bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là: 315 triệu đồng/12,12 điểm = 26 triệu đồng/điểm, vốn NSĐP bình quân (G) cho 01 điểm phân bổ là: 10/12,12 điểm = 0,8 triệu đồng/điểm.

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

*(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Tiểu dự án 2, Dự án 6 theo Biểu số 2.7 kèm theo)*

#### **5. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

Tại Quyết định số 1019/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 4.793 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề để thực hiện dự án (trong đó thực hiện Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: 3.131 triệu đồng, Giám sát, đánh giá: 1.662 triệu đồng). Nguồn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định là: 144 triệu đồng. Tổng nguồn vốn để thực hiện tiểu dự án 1, dự án 7 là 4.937 triệu đồng.

Theo khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

- Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 25% là 1.232 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 1.197 triệu đồng, vốn NSĐP: 35 triệu đồng) cho Sở Lao động - Thương binh và xã hội;

- Phân bổ tối thiểu 75% là 3.705 triệu đồng (trong đó vốn NSTW: 3.596 triệu đồng, vốn NSĐP: 109 triệu đồng) cho các địa phương. Việc phân bổ vốn cho các địa phương thực hiện như sau:

Căn cứ tiêu chí quy định tại khoản 2, Điều 12, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương UBND tỉnh xác định được tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo (Xi); tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã (Yi) và số điểm của mỗi địa phương, cụ thể:

+ Tổng số các hệ số tiêu chí (Xi) và (Yi) làm căn cứ tính vốn bình quân là 12,12 điểm.

+ Theo công thức quy định tại khoản 3, Điều 10, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, số vốn NSTW bình quân (G) của tiểu dự án 1 là: 193,9 triệu đồng/điểm, số vốn NSTW bình quân (G) của tiểu dự án 2 là: 102,9 triệu đồng/điểm; vốn NSĐP bình quân (G) của tiểu dự án 1 là: 5,9 triệu đồng/điểm, vốn NSĐP bình quân (G) của tiểu dự án 2 là: 3,1 triệu đồng/điểm,

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xác định số vốn phân bổ cho UBND các huyện, thành phố bằng số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ nhân với số điểm của mỗi huyện, thành phố.

*(Chi tiết phân bổ kinh phí cho Dự án 7 theo Biểu số 2.8 đính kèm)*

#### **IV. THUYẾT MINH KINH PHÍ ĐỂ LẠI PHÂN BỐ SAU.**

Kinh phí đề xuất để lại phân bổ sau là kinh phí thực hiện Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng. Cụ thể như sau:

Tại Quyết định số 1019/QĐ-BTC, tỉnh Bắc Kạn được phân bổ số tiền 6.168 triệu đồng từ nguồn sự nghiệp kinh tế để thực hiện tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp. Nguồn ngân sách địa phương đối ứng theo quy định là: 185 triệu đồng. Tổng nguồn vốn để thực hiện tiểu dự án 1, dự án 3 là 6.353 triệu đồng.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 8, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Kạn:

*“a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho dự án: Phân bổ tối đa 10% cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 90% cho các địa phương.*

*b) Phân bổ cho các địa phương: Thực hiện phân bổ vốn theo dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”*

Tuy nhiên hiện nay, các dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, phần vốn của nội dung này sẽ phân bổ cho các địa phương sau khi có quyết



định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.

## **V. LỒNG GHÉP NGUỒN VỐN TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN MỘT SỐ DỰ ÁN CỦA CHƯƠNG TRÌNH.**

Các nội dung thực hiện cơ chế lồng ghép thực hiện theo tại khoản 2, Điều 10, Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ:

*“2. Nội dung thực hiện lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác.*

*a) Dự án đầu tư.*

*b) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.*

*c) Hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia.*

*d) Hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp.*

*đ) Các nội dung khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).”*

Sau khi nghiên cứu các Quyết định phê duyệt Chương trình MTQG và một số chương trình, dự án khác cho thấy: Tại Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 1, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4, Dự án 7 Quyết định số 90/QĐ-TTg. lần lượt có cùng đối tượng, mục tiêu, nội dung, địa bàn thực hiện với Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3, Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4, Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5, Dự án 10 Quyết định số 1719/QĐ-TTg. Đồng thời các dự án, tiểu dự án tại này có cùng mục tiêu, nội dung với Nội dung 2 thuộc nội dung thành phần số 03, Nội dung thành phần số 02, Nội dung 9 thuộc nội dung thành phần số 03, Nội dung 1, 2 thuộc nội dung thành phần số 08, nội dung 1, 2, 4 thuộc nội dung thành phần số 11 Quyết định 263/QĐ-TTg và có cùng mục tiêu, nội dung với chương trình, dự án khác như chương trình khuyến nông địa phương.

Vì vậy, UBND tỉnh đề nghị các nội dung thực hiện cơ chế lồng ghép như trong dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

## **VI. NGUỒN SỐ LIỆU THỐNG KÊ LÀM CĂN CỨ XÁC ĐỊNH HỆ SỐ ĐỐI VỚI CÁC TIÊU CHÍ.**

- Quy mô dân số; số hộ nghèo, hộ cận nghèo; tỉ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo xác định theo số liệu thống kê tại biểu mẫu 7.1, Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021.

- Tiêu chí địa bàn khó khăn: Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

- Tiêu chí đặc điểm địa lý của huyện nghèo: Huyện nghèo theo Quyết định

số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025; Huyện khu vực miền núi, vùng cao theo Công văn số 930/BNV-CQĐP ngày 08/3/2021 của Bộ Nội vụ.

- Tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã xác định theo Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Tiêu chí số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập: Số lượng tuyển sinh để tính hệ số theo số liệu tuyển sinh năm 2020 mà các địa phương, đơn vị báo cáo và được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

- Tiêu chí lực lượng lao động đủ 15 tuổi trở lên: căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh tại Niên giám thống kê năm 2020 và các ấn phẩm thống kê theo quy định.